

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 42

PHẦN 9

Đời Mục Tông: (tên Hoàn, con thứ ba của Hiến Tông)

Năm Trường Khánh thứ nhất, vua đích thân viết lời khen Nam Sơn Luật Sư rằng: “Đời có bậc Giác là sứ giả của Như Lai, rồng quỳ thấy quy hàng, trời người đều thờ phụng, tiếng bay xa năm cõi, lời rúng động muôn dặm, trời Tây kim ô lặn, Đông phương Phật nhật lên, cúi đầu Kính quy y, kính dâng Luật Tông Chủ” (Đến nay vào ngày tu cúng Luật Tông thường dùng bài tán này).

Tiết Độ Sư Lưu Tống ở U Châu dâng biểu lên vua xin xuất gia, vua không cho. Tống bèn giao ấn lại, sau đó tự xuống tóc làm Tăng, lấy dinh thự riêng làm chùa. Vua theo ý muốn của ông mà phong làm Đại Giác Sư và ban cho năm mươi Tăng lạp, chùa tên là Báo Ân.

Tiết Độ Sư Bùi Độ ở Hà Đông tâu vua chùa Phật Quang tại Ngũ Đài thấy có mây lành và Đức Văn-thù Đại Sĩ cỡi sư tử ở trên không trung có vạn chúng theo sau. Vua sai Sư cúng vạn Bồ-tát. Ngay hôm ấy lại thấy có mây lành ở trong chùa. Vua ban chiếu mời Sa-môn Duy Anh ở chùa Long hưng sung làm Hàn Lâm Đại Chiếu Lương Nhai Tăng Thống.

Năm Trường Khánh thứ hai, Vô Nghiệp Thiền sư (thấy ở Mã Tổ) ở Phần Dương, phàm có người học đến hỏi thì Sư chỉ đáp: “Chớ vọng tưởng.” Vua Hiến Tông nhiều lần sai Sư mời vào cung nhưng Sư đều lấy cớ bệnh mà từ chối. Khi vua lên ngôi nghĩ là phải chiêm lễ Sư một lần. Khi sai Lương Nhai Linh Phụ mang chiếu đến thỉnh thì Sư cười bảo chúng rằng: “Ta sắp đi đây!” Giữa đêm đó Sư họp chúng nói pháp rồi ngồi mà hóa. Vua ra sắc thụ phong cho Sư là Đại Đạt Quốc Sư.

Trung Thư Xá nhân Bạch Cư Dị cai trị Hàng Châu, đến hỏi đạo ngài Diệu Khoa Thiền sư thì Sư bảo: “Chớ làm các điều dữ, nên làm các điều lành”. Bạch Cư Dị nói: “Đứa bé ba tuổi cũng biết nói thế”. Sư

nói: “Đứa bé ba tuổi tuy nói được nhưng ông lão tám mươi không làm được”. Bạch Cư Dị phục lời nói ấy đánh lễ mà lui (Sư tên là Đạo Lâm, thấy trong Kinh Sơn Khâm Thiền Sư).

Năm Trường Khánh thứ tư, Sa-môn Tuệ Kiêu ở Cô Sơn Tây hồ tại Hàng Châu đã khắc đá kinh Pháp Hoa. Thứ Sử Bạch Cư Dị... chín người cùng góp công. Tể Tướng Nguyên Chấn làm bài Ký có câu: “Phật pháp rất áo diệu, Tăng giảng giải cho ta mà ta thì không thể giải thích cho Tăng được”. Bạch Cư Dị đến Lô sơn tham kiến ngài Quy Tông Thường Thiền Sư. Sư đang đắp bùn cho vách, hỏi ông rằng: “Đó là Nho Quân Tử hay Nho Tiểu nhân?” Bạch Cư Dị đáp: “Nho Quân tử”. Sư ném xuống một bay bùn. Cư Dị lấy bay múc bùn ném lên. Sư nhận bùn trét vào vách. Được một lúc lâu, Sư hỏi: “Chẳng thích làm Bạch Thị Lang tài giỏi đấy ư?” Bạch Cư Dị đáp: “Chẳng dám”. Sư nói: “Chỉ mới được một phần bùn”.

Trung Thư Lệnh Vương Trí Hưng xin vua cho lập Giới Đàn Phương Đẳng ở Tứ Châu để độ Tăng vào ngày Phật đản. Vua chấp thuận. Ở Triết Tây, Quan Sát Sử Lý Đức Dụ dâng thư lên vua cho là đã độ Tăng nhiều vô kể, khiến ở Giang Hoài mất đi số dân đinh cả mấy mươi vạn. Vua bác lời tâu ấy.

Đời Kinh Tông: (tên Trạ, con cả của Mục Tông)

Năm Bảo Lịch thứ nhất, vua ban sắc lập Giới Đàn Phương Đẳng ở Lương Nhai, Tả Nhai thì ở chùa An quốc, Hữu Nhai là ở chùa Hưng Phước. Sung Trung Hộ Quân Lưu Quy làm chức Tả Hữu Nhai Công Đức Sử, chọn các bậc giới hạnh cho làm Đại Đức. Bày việc khảo thí các trẻ em Nam nào đọc thuộc lòng một trăm năm mươi tờ Kinh và các trẻ em Nữ đọc thuộc một trăm tờ thì cho thế độ.

Năm Bảo Lịch thứ hai, vua ban sắc mời hơn bốn trăm Sa-môn và Đạo sĩ vào Cung Đại Minh đàm luận và thiết trai đãi tiệc. Vua đến chùa Hưng Phước xem Sa-môn trình bày văn chương và giảng kinh, vua rất khen ngợi.

Bạch Cư Dị soạn bộ Hoa Nghiêm Kinh Xã có ghi rằng: Có Sa-môn Nam Tháo ở chùa Long Hưng tại Hàng Châu, nhân có Đạo Phong Pháp sư ở chùa Linh Ẩn giảng phẩm Thế Giới của kinh Hoa Nghiêm, bèn phát nguyện rằng: Gắng khuyên đạo tục mười vạn người, mỗi người trì tụng một bộ kinh Hoa Nghiêm. Và mười vạn người ấy mỗi người lại khuyên một ngàn người đọc một quyển kinh Hoa Nghiêm. Mỗi năm bốn mùa ở các lễ hội đều dùng chay. Sư Nam Tháo đốt hương quỳ bạch

Phật rằng: Nguyên cùng mười vạn người này, ở đời vị lai sẽ có mặt đầy đủ trước Phật Tỳ-lô-giá-na ở trong Bảo Liên Kim Luân trên biển Đại Hưng Thủy của Hoa Tạng thế giới. Rồi ở trong chúng, Sư góp tiền của mọi người mua một ngàn khoảnh ruộng để cung cấp việc trai soạn. Đến nhờ tôi ghi giúp và bảo rằng tôi là một trong số mười vạn người ấy.

Đời Văn Tông: (tên Ngang, con thứ của Mục Tông)

Năm Thái Hòa thứ nhất, tháng mười, nhân tiết Phật đản, vua ban chiếu cho Bí Thư Giám Bạch Cư Dị, Dẫn Giá Đại sư Nghĩa Lâm ở chùa An quốc cùng Đạo sĩ Dương Hoàng Nguyên ở Thượng Thanh Cung đến điện Lân Đức để Đàm Luận về Tam Giáo (có đủ vấn đáp ở Lạc Thiên Vân tập).

Sa-môn Thiện Tín Đại sư theo học với Mã Tổ ngộ được Đại ý Phật pháp. Sau Sư đến Ngũ Đài tu Vô ngại cúng. Khá lâu sau đó thấy cha già bảo rằng: “Sư rất có duyên ở Tuyền Hồng.” Sư nghe theo lời dạy đến núi Đại Hồng. Vừa lúc đó nhân dân ở đấy đem tế con vật sống để cầu mưa ở ao Rồng tại núi. Sư bèn ngăn lại bảo: “Chớ nên giết vật mà tế cúng, ta sẽ cầu mưa cho các ông.” Rồi Sư lên núi tọa thiền thì mưa lớn ào xuống. Có cha con Trương Võ Lăng dẫn chúng đến tạ ân, rồi lập đạo tràng. Bỗng Sư dạy chúng rằng: “Trong các thứ cúng dường không gì bằng cúng dường thân.” Sư bèn lấy dao bén chặt đứt cả hai chân đem để trên ghế. Sữa trắng tuôn trào. Đám môn nhân thương khóc chạy đến giứt dao. Sư ngồi ngay trên tòa mà tịch. Cha con họ Trương đứng hầu hai bên đều cũng thần hóa. Mọi người kính phục điềm linh gọi là Đại Thánh và hai Thánh. Tiết Độ Sư Thôi Công ở Sơn Nam sai quan tu cúng, dùng bột vàng đắp vào thân. Tâu lên vua, vua ban cho chỗ ở tên là U Tế Viện. Từ đó trong các Quận có cầu xin điều gì thì đều ứng nghiệm nhanh chóng.

Năm Thái Hòa thứ hai, Quan Sát Sư Thảm Truyền Sư ở Giang tây xin vua lập Giới Đàn Phương Đẳng ở Hồng Châu để độ Tăng vào mùa Phật đản. Vua ban chế đáp: Nhân có quốc sự nên tạm ngưng việc độ Tăng. Lại ra sắc từ nay việc độ Tăng là trái lệnh, ai xin đều bị phạt. Được khoảng một tháng thì làm lơ lệnh ấy.

Năm thứ ba, Sa-môn Thanh Quảng... ở Viện Pháp Hoa tại Cô Tô đã khắc vách đá kinh Pháp Hoa được tám bộ. Thứ Sử Bạch Cư dị làm bài ký.

Năm thứ tư, Tự Bộ xin vua cho Tăng Ni nào không được Chánh độ ở khắp thiên hạ được trình đủ tên tuổi lên để cấp Điệp độ. Lúc đó số

người được cấp điệp lên đến bảy mươi vạn.

Dẫn Giá Đại sư Nghĩa Lâm tâu vua xin được sửa tháp Từ Ân. Ngày khai phần mộ có mùi hương lạ ngào ngạt, chân thân của Tổ nằm nghiêng trên nền gạch, còn đủ bốn mươi răng, dung mạo như lúc còn sống. Trên nền gạch có lớp rêu sắc vàng dày hai tấc như nấm linh chi.

Tu Pháp sư ở chùa Thiền Lâm tại Thiên Thai truyền Chỉ Quán pháp môn cho Vật Ngoại Pháp sư.

Năm thứ năm, vua ban sắc ở khắp Châu, Quận trong thiên hạ lập Tăng Ni tịch.

Năm thứ tám, tháng mười hai, ngài Nam Tuyên Phổ Nguyên Thiền sư ở Trì Châu viên tịch (thấy trong Mã Tổ). Sư ở Ngọc Tuyên ba mươi năm. Quan Sát Sứ Lục Hoàn thỉnh Sư vào Quận xin làm đệ tử. Hoàn nói: “Đệ tử ít hiểu Phật pháp”. Sư nói: “Suốt trong mười hai giờ Đại Phu sống như thế nào?” Hoàn thưa: “Một tấc tơ cũng không mang”. Sư nói: “Hãy còn là người bậc dưới”. Lục Hoàn thấy có người gieo hai hạt súc sắc sáu mặt bảo rằng: “Thế là thế nào?” Chỉ biết khi dờ lên là thế nào thôi! Sư mới dờ lên và bảo rằng: “Khúc xương thú có mười tám hoa (mười tám điểm)”. Hoàn nói: “Triệu Pháp sư hiểu Đạo rất kỳ quái. Trời đất cùng gốc, muôn vật đồng một thể.” Sư chỉ cây hoa mẫu đơn trước sân bảo: “Người thấy một cây hoa này giống như giấc mộng”. Được Sơn Hoài Nghiễm Thiền sư ở Lễ Châu viên tịch, vua thụ phong là Hoàng Đạo Đại sư (thấy ở Thạch Đầu).

Năm thứ chín, tháp xá-lợi (Phật cốt) ở chùa Pháp Môn tại Kỳ sơn thấy có mây lành. Tháng tư, Hàn lâm học sĩ Lý Huấn xin vua cho dẹp bỏ Nội đạo tràng trong điện Trường Sinh, sa thải các Tăng Ni là bọn giả dối lạm dụng. Ngay hôm ấy trừ linh tượng trong Đại Nội, đêm đến gió bão thổi sập điện Hàm Nguyên, bốn con cú lớn đều rơi xuống đất, búng tung ba gốc cổ thụ ở trước điện, phá sập Kim Ngô Trượng Quán, nhà cửa quán xá, vọng gác trong ngoài cửa thành có đến mười nơi. Cửa thành Tây Quang Hóa cũng sụp đổ. Dân chúng kinh hoàng. Vua cho là lời xin của Lý Huấn đã ngược phạm ý trời, bèn gấp rút ban sắc đình chỉ việc sa thải Tăng Ni và xây lại nghi tượng ở nội điện thì gió liền dứt (Cựu Sử Ngũ Hành Chí).

Tháng bảy, Lý Huấn xin vua khiến Tăng Ni trong thiên hạ thi Kinh, nếu không trúng cách thì bãi Đạo. Tháng mười một, Lý Huấn đang ngồi tính việc giết hoạn quan nên bị bắt chém đầu ở ao Côn Minh. Vua ban sắc Tăng Ni khởi thi Kinh. Tháng tám, vua ban chiếu mời Sa môn Tông Mật (hiệu là Khuê Phong đời thứ sáu dòng phụ của Lục Tổ)

vào nội điện để hỏi Phật pháp và ban cho Tử y.

Năm Khai Thành thứ nhất, tháng giêng trong Tả Nhai Tăng Lục có cung phụng việc đàm luận về Tam Giáo. Dẫn Giá Đại sư là thầy của Ngô Đạt Pháp sư nằm nghiêng hông phải mà tịch, khi trà-tỳ được ba trăm hạt xá-lợi. Sư dạy chúng rất nghiêm, mới mười một năm đã truyền nghiệp cho hơn ngàn đệ tử. Sử Quán Tu Soạn là Bùi Hưu soạn bài bi minh.

Vua ban sắc mời Sa-môn Vân Đoan sung làm Tả Hữu Nhai Tăng Lục.

Vua có lần bảo cận thần rằng: Việc giáo hóa vô bổ trong thiên hạ mà còn ăn bám quốc gia, các Khanh thử cho ý kiến. Có kẻ thưa rằng: “Tổ tiên từ xưa đến nay rộng thờ Phật giáo, Tăng Đồ càng đông nhưng chỉ là bọn ăn bám đục khoét mà thôi.” Vua liền ra sắc chỉ trong ngoài đều dẹp bỏ việc Tăng Đồ giảng nói kinh Phật. Còn đang hội họp thì trong nhà bếp nấu thức ăn cho vua có món gà con hầm. Bỗng nghe trong vạc có tiếng rất nhỏ, lắng nghe thì thấy số trứng gà ấy đều niệm Quan Thế Âm Bồ-tát rất là thấm thiết. Quan Đầu Bếp tâu vua. Vua bảo xét nghiệm kỹ thì quả đúng. Vua than rằng: “Ta không ngờ được thần lực của đạo Phật đến thế này!” Bèn ra sắc lệnh từ nay không được ăn gà nữa. Một hôm vua ăn nghêu, bỗng có một con to tách không ra. Vua đốt hương cầu nguyện, chợt con nghêu biến thành hình Đại sĩ. Vua mời ngài Chung Nam Duy Chánh Thiên sư đến hỏi. Sư thưa: “Phàm vật ứng hiện không phải vô cớ, đây là muốn làm rộng lớn tín tâm của Bệ Hạ mà thôi”. Kinh nói: “Đáng dùng thân này để độ thì liền hiện thân đó mà nói pháp.” Vua nói: “Đại sĩ đã hiện nhưng chưa nghe nói pháp”. Sư hỏi: “Bệ Hạ thấy việc này là thường hay phi thường, là đáng tin hay không đáng tin?” Vua nói: “Việc hy hữu này đâu thể không tin”. Sư nói: “Đã thuyết pháp rồi đó”. Vua rất vui mừng. Liền ban chiếu khắp các tự viện trong thiên hạ đều lập tượng Quan Âm và ra sắc mời Sư về ở chùa Thánh Thọ. Đến khi Võ Tông lên ngôi thì Sư về Chung Nam ẩn cư. Có người hỏi duyên cớ. Sư đáp: “Ta muốn tránh cừu địch vậy” (dòng phụ của Ngũ Tổ).

Năm Khai Thành thứ ba, tháng ba, ngài Thanh Lương Quốc Sư Trừng Quán thị tịch. Vua bãi triều ba ngày, các trọng thần đều mặc áo tang, vua ra lệnh táng Sư ở Thạch Thất tại Nam Sơn. Sư trải thờ chín triều làm thầy bảy vua, mình cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối, có tài viết hai tay, ngày viết cả vạn chữ. Đêm không rời y, trọn đời chỉ ăn một bữa. Tế Tướng Bùi Hưu vâng sắc vua soạn văn bia.

Năm thứ tư, Trung Thư tâu vua xin ngày Phật đản cho bá quan đến chùa thiết lễ trai đãi ngàn Tăng. Vua ban chiếu chấp thuận. Lúc đó các Danh Tăng đều cu hội, sĩ thứ đón nhìn đều kính trọng.

Năm thứ năm, tháng giêng, ngài Khuê Phong Thiền sư Tông Mật viên tịch, Tể Tướng Bùi Hưu soạn bài văn bia.

Đời Võ Tông: (tên Viêm, con thứ năm của Mục Tông)

Năm hội Xương thứ nhất, tháng chín, vua mời Đạo sĩ Triệu Quy Chân tám mươi một người vào cung cấm, vua học Pháp Lục. Năm thứ hai, tháng sáu, vua mời Đạo sĩ Lưu Nguyên Tịnh ở Hành Sơn vào gặp. Vua ban sắc trao cho ông chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu, cùng với Quy Chân ở trong cung Cấm tu Pháp Lục.

Năm thứ ba, vua muốn dẹp sạch rợ Phật, bèn ra chiếu khiến Lương Nhai thuật lại việc hưng phế từ khi có Phật đến nay, có gì đều nêu ra đầy đủ. Ngài Pháp Bảo Đại Sư Huyền Sướng soạn tập Tam bảo Ngũ Vận Đồ trình lên vua. Vua ban sắc dẹp bỏ các chùa Mật Ni trong khắp thiên hạ. Ở Kinh Thành có bảy mươi Nữ Mật Ni đều chết. Ở nước Hồ Hột nơi truyền bá các Đạo, người chết hơn phân nửa.

Năm thứ tư, tháng giêng, vua lấy cớ vào các tháng chay dẹp việc giết mổ là do Phật giáo gây ra hiểm khích, nên vua ban sắc từ nay về sau chỉ cấm giết mổ vào ngày đầu năm, ba ngày rằm lớn và ngày Quốc Ky.

Năm thứ năm, tháng giêng, Triệu Quy Chân xin vua tranh luận cùng đạo Phật. Vua ban chiếu cho Tăng và Đạo sĩ họp tại điện Lân Đức. Thượng Thủ giao cho Lão Tử, luận việc trị một nước lớn như nấu một bữa ăn ngon. Tri Huyền Pháp sư lên Luận tòa trình bày rộng rãi về đạo lý của vua chúa giáo hóa là căn bản, biện luận rất tinh xác hùng hồn, các Đạo sĩ không khuất phục được. Nhân đó Sư tâu vua rằng: Thần tiên chỉ giáo hóa chốn sơn lâm chỉ riêng lợi ích cho đám dân thường, còn bậc vua chúa không nên để tinh thần vào đó. Vua sắc mặt bất bình bèn đuổi Sư về thôn quê. Vua lập Vọng Tiên Đài ở Nam Giao. Quy Chân thừa dịp được vua sủng ái bèn chê bai đạo Phật, không phải là nơi Trung Quốc tôn thờ, cần phải dẹp bỏ. Bá quan cùng nói Quy Chân là gian tà không nên thân tín. Quy Chân từ đó lấy Dĩ Thiệp Vật Luận mà tiến dẫn bọn La Phù Đặng Nguyên Siêu, cùng kết giao chặt chẽ để phá hoại Phật pháp. Tháng tư, vua ban chiếu kiểm tra gặt gao số tự viện và Tăng Ni trong thiên hạ. Tháng năm, vua ban sắc cho Lương Đô Tả Hữu Nhai chỉ giữ lại bốn ngôi chùa, mỗi ngôi có ba mươi Tăng. Ở các

Châu Quận trong thiên hạ mỗi nơi chỉ giữ lại một ngôi chùa. Chùa lớn có hai mươi người, chùa trung bình có mười người và chùa nhỏ chỉ năm người. Tháng tám, vua ban sắc các chùa nên hẹn ngày phá hủy. Khắp thiên hạ có đến bốn ngàn sáu chùa và bốn vạn Lan-nhã, lấy vật liệu để tu bổ các công thự và dinh trạm. Các tượng bằng vàng bạc thì giao cho vua chi dụng, các tượng sắt thì dùng đúc nông cụ, các tượng đồng và chuông khánh thì đem đúc tiền. Thâu lại hơn mấy ngàn khoảnh ruộng tốt và mười lăm vạn nô tỳ. Số Tăng Ni cho hoàn tục là hai mươi sáu vạn năm trăm người. Hàng Mục Hộ Hỏa Phát đều bắt phải hoàn tục hơn hai ngàn người. Tể Tướng Lý Đức Dự dẫn bá quan dâng biểu khen mừng. Các Tăng ở núi Ngũ Đài phần lớn đều chết hoặc chạy trốn. Ở U Châu Lý Đức Dự bảo quan tâu vua rằng: Đuổi hết về làng và không cho du Tăng nhập cảnh. Tiết Độ Sứ Trương Trọng Võ lãnh lĩnh thi hành. Quan Chủ Khách Lang Trung Vi Bác bảo Đức Dự rằng: “Phép sa thải không nên thái quá! Đức Dự nổi giận đuổi ông ra làm Phán Quan ở Võ Lăng.

Năm thứ sáu, ở Trường an có người đi đêm ngang qua lăng vua Chu Mục, thấy có người từ trên không hạ xuống, mặc áo đỏ cầm tấm bảng hỏi Trững Úy (quan coi mộ) ở đâu? Có hai quan viên từ mộ chui lên thưa: Dạ ở đây. Người áo đỏ hỏi: Xét coi Tây Hải Quân Sứ chừng nào đến? Quan thưa: Tính ngày đi thì có thể mười tám ngày. Người áo đỏ hỏi: Sao giữ lâu vậy? Quan thưa: Lý Viêm ở ngôi hủy hoại Phật giáo đáng tội chết sớm bỏ ngôi vua, sẽ giao cho Tây Hải Quân tra xét hỗn phách. Bỗng có tiếng chuông của khách buồn từ phía Đông đến, thì người áo đỏ và hai quan viên biến mất. Sau mấy ngày thì vua quả nhiên bị bệnh và băng hà (Thái Bình Quảng Ký).

Tân Khách của Thái tử là Lư Trinh có người con từng làm Tăng, nhân bị sa thải nên được giao cho chức Tham Quân ở Quan Vương Phủ. Một tối mộng thấy thầy cũ đến nhà. Lư thưa: Con không ham chỉ chức quan bé mọn này, nghĩ việc mặc lại áo ca-sa không biết chừng nào? Thầy bảo: Sẽ phục hưng liền đây, con nên vững chí. Bỗng thấy cờ xí binh mã ồn ào truyền rao: “Đón Quang Vương làm Thiên tử” (Thông Ký)

Tháng năm, vua ban sắc sung Dương Khâm Nghĩa làm Lương Nhai Công Đức Sứ, khiến mỗi nhai đều thêm tám chùa, việc độ Tăng vẫn lệnh cho Tự Bộ cấp Điệp.

Vua ban sắc ngày giỗ kỵ Liệt Thánh đều đem đến chùa hành hương, tất cả đều theo phép cũ. Vì các Đạo sĩ mê hoặc làm loạn tiên Triều phá bỏ Phật giáo, nên ra lệnh cho Công Đức Sứ Dương Khâm

Nghĩa bắt Triệu Quy Chân, Lưu Nguyên Thanh, Đặng Nguyên Siêu... mười hai người tập họp tại triều rồi đem giết, bỏ mặc đầu và thi thể để làm gương.

Đời Tuyên Tông: (tên Thẩm, con thứ mười ba của Hiến Tông)

Năm Đại Trung thứ nhất, tháng ba, vua ra sắc trong năm cuối Hội Xương việc bớt các tự viện, thi hành quá đáng. Ở Linh sơn Thánh Cảnh, như có các bậc Túc Cựu Danh Tăng có thể sửa sang xây mới lại thì Hữu Ty không được cấm ngăn. Lý Đức Dụ chuyên quyền đã lâu ngày, vua ghét nên biếm làm Tư Mã ở Triều Châu, không bao lâu lại biếm làm Tư Hộ ở Nhai Châu. Rồi bị bệnh ngặt mà chết. Khi xưa có vị Tăng biết việc đời trước, bảo Đức Dụ rằng: “Ông sẽ đi muôn dặm về phương Nam, bình sinh ăn một vạn con dê, nay đã được chín ngàn năm trăm con rồi, nếu chưa hết dê thì còn có ngày trở về.” Đức Dụ nói: Có lần tôi nằm mộng thấy đến Tấn Sơn, thấy trên núi toàn là dê. Người chăn nói: Đây là số dê bình sinh ông đã ăn. Khoảng một tuần sau thì Chấn Võ Tiết Độ Sứ Lý Kỳ đem biếu tặng ông bốn trăm con dê. Tăng nói: Vạn con dê sắp đủ số, ông không trở lại được nữa. Sau quả nhiên ông chết ở Chu Nhai.

Bàn rằng: Từ xưa, hễ vua hủy báng Phật tất có bề tôi giúp sức việc ấy. Cho nên Ngụy Thái Võ thì dùng Thôi Hạo, Chu Võ thì dùng Trương Tân Vệ Nguyên Tung, Đường Võ thì dùng Đức Dụ, Triệu Quy Chân, rốt cục khiến Đại Pháp bị nhục, vua tôi đều cùng bị ác báo. Đâu phải đó đây đều bất hạnh ư! Đến như làm việc sa thải Tăng Ni như Hoàn Huyền Chi ở đời Tấn, Phó Dịch ở đời Đường, Diêu Sùng Chi ở đời Đường Minh Hoàng, Lý Huấn ở đời Văn Tông. Song đều chỉ làm trong một thời gian ngắn, tức làm rồi thì liền bị tai họa. Chỉ coi đó là nạn nhỏ nhất thời không bằng tai họa tàn khốc của ba vua Võ. Như vua Thế Tông thì đời Chu có bản tánh hủy Phật mà không được người giúp sức, còn Hàn Dũ, Âu Dương Tu có bản tánh bài Phật lại không gặp được loại vua hợp ý. Nếu như Thế Tông mà được Thôi Hạo thì cái án giết Sa-môn sẽ tàn khốc hơn Thái Võ nhiều. Giả sử Hàn Dũ, Âu Dương mà gặp ba vua Võ thì việc hủy tượng, giết Tăng sẽ không kém khốc liệt của Thôi Hạo, Lý Đức Dụ bao nhiêu. Thôi Hạo bị chém ngang lưng, Đức Dụ bị chết ở xó xĩnh... chết không trọn vẹn cũng đủ coi là trả báo. Lỗ Trực bảo rằng: Thoái Chi gặp Đại Điền mà việc bài Phật bị ngăn trở. Tổ Tú nói: Vĩnh Thúc gặp Viên Thông mà việc bài xích tự tiêu, chỉ có Hàn và Âu thì gặp may ở cuối đời là do biết Đạo Lực mà có hồi tâm hối cải.

Thống Tả Cấm Quân Dương Hán Công, dùng sách Định Công xin phục hưng Phật giáo, xin tìm ngài Tri Huyền Pháp sư nên lại phục hưng Tăng. Ngài vào ở chùa Bảo Ứng, nhằm Lễ Thọ Xương, ngài giảng kinh khen ngợi nên được đặt làm Thủ tọa Tam Giáo. Vua lấy dinh thự cũ sửa làm chùa Pháp Càn mời ngài đến ở.

Ông Bạch Cư Dị qua đời, vua ban chức Thượng Thư Tả Bộc Xạ. Lúc tuổi già Cư Dị chỉ chuộng kinh Phật, cả tháng không ăn mặn, dâng chỗ ở để làm chùa Hương Sơn, tự xưng là Hương Sơn Cư Sĩ. Từng soạn bài Tán rằng:

*Mười phương thế giới
Trên trời dưới trời
Ta nay biết rõ
Không gì bằng Phật.
Vội vội nguy nga
Là thầy trời người
Nên con kính lễ
Khen ngợi quy y.*

Khoảng đầu năm Hội Xương có khách đi thuyền bị gió thổi dạt vào Núi lớn. Một Đạo sĩ nói: Đây là núi Bồng Lai, chỉ một viên cửa khóa rất chắc chắn, bảo rằng: Đây là chỗ ở của Bạch Lạc Thiên. Ông còn ở Trung Quốc chưa đến. Lạc Thiên nghe nói bèn làm Thi đại ý rằng:

*Ta học Chân không chẳng học Tiên
E lời ông nói vốn hư truyền
Hải Sơn không phải nơi ta đến
Nếu đến phải là Đâu-suất thiên.*

Lạc Thiên từng lập nguyện rằng: “Ta khuyên một trăm bốn mươi tám người có cùng chí hướng kết hội Thượng Sinh luôn niệm danh hiệu Đức Từ Thị, ngồi tưởng chân dung Đức Từ Thị, nguyện ở đời sau đều sinh lên cõi Đâu-suất.” Khi tuổi già ông bị bệnh phong tê, mượn thợ viết một Bộ Tây phương Tịnh độ, ngày đêm cúng dường và làm bài Tán rằng: “Cực lạc thế giới cõi thanh tịnh, không có ác đạo và các khổ, nguyện ai như ta thân bệnh hoạn, cùng sinh cõi Phật Vô Lượng Thọ.” Một tối ông niệm Phật an nhiên mà hóa.

Năm Đại Trung thứ hai, vua ban sắc Thượng Đô, Đông Đô và Kinh, Dương, Biện, Ích các châu, đều xây chùa và lập giới đàn Phương Đẳng để độ các Tăng Ni thọ lại Giới pháp. Ở núi Ngũ Đài lập năm chùa, mỗi chùa độ được năm mươi người.

Bàn rằng: Tăng Sử Lược nói: Tu Đại thừa Phương Đẳng thì không câu nệ căn thiếu duyên sai, chỉ cần phát đại tâm thì đều được thọ. Năm Hội Xương, vua sa thải các Tăng Ni hoàn tục, ai mà không có các tội, nên trước khiến sám hối, sau thọ lại giới phẩm. Nếu không phải là Phương Đẳng đâu thể cho thọ lại?

Thứ Sử Tuyên Châu Bùi Hưu nói: Các chùa quán trong thiên hạ phần nhiều các quan gửi khách đến ở nhờ, từ nay về sau không cho vào chùa ở nữa, ai trái lệnh sẽ bị phạt nặng. Vua chấp thuận.

Sa-môn Tu Hội ở chùa An quốc hay làm thi ứng đáp với vua, có lần xin vua ban cho Tử y. Vua nói: Ta không tiếc chi với ông, nhưng ông còn có chỗ khiếm khuyết. Vừa ban y xong thì Sư chết đột ngột.

Năm Đại Trung thứ ba, tháng giêng ngày trai, ở Tứ Minh, tại chùa A-dục vương có tám ngàn đạo tục cúng dường tháp xá-lợi Phật, cảm được trời mưa hoa có thứ như tuyết chạm tay liền tan. Đến đêm thì phóng ra ánh sáng năm sắc, đại chúng rất mừng vui. Năm sau có vị Tăng nước Tân La lên trộm cái chóp tháp thì cứ đi loanh quanh mãi nên bị chúng bắt. Vua ban sắc cho Sa-môn Linh Yển làm Tả Hữu Nhai Tăng Lục. Nhân tiết Thọ Xương Khánh Đán, vua ban sắc cho Giám Nghị Lý Di Tôn, Pháp sư Tri Huyền cùng các Đạo sĩ ở điện Lân Đức đàm luận về Tam Giáo. Huyền tâu vua cần nên cho phục hồi lại hết các chùa trong thiên hạ. Vua vốn trọng đức Sư bèn sai người vẽ hình Sư để trong cung cấm.

Năm Đại Trung thứ tư, vua ra lệnh cho Diêm Quan ở Hàng Châu ban tên chùa là Tề Phong cho Viện của ngài Tề An Thiền Sư. Khi xưa, lúc vua còn làm Quang Vương, Võ Tông ganh ghét bắt câu lưu ở sau vườn định đem giết. Trung Quan Cừ Sĩ Lương nói dối là Quang Vương bị té ngựa mà chết, nhân đó thoát thân chạy trốn đến trong hội của ngài Hương Nghiêm Nhân Thiền Sư. Sư cạo tóc cho làm Sa-di, rồi cùng lên Lô Sơn, Nhân Sư vinh dòng thác đại ý rằng: Thấu đá xuyên mây chẳng nệ nào, càng xa mới rõ ngọn nguồn cao. Nhân ngừng lại để suy nghĩ thì Sa-di liền đọc tiếp: Nước khe đâu thể dừng đây được, ra tận biển khơi tạo sóng trào. Nhân mới biết đó là người phi thường. Sau đến Diêm Quan Hải Xương gặp ngài Tề An Thiền Sư, tự xưng là Hữu Quang. An lấy làm lạ bèn sai làm thư ký. Lúc đó Hoàng Bá Vận Thiền sư làm Thủ tọa. Một hôm lạ Phật, Quang hỏi rằng: “Con không làm Phật thì lạ làm chi?” Vận liền tát. Lại hỏi: “Không làm Phật cũng xin làm việc này ư?” Vận cũng tát. Quang nói: “Ông quá thô tháo!” Vận lại tát và bảo rằng: “Phải ăn nói cho đàng hoàng!” Một hôm An Sư gọi Quang

bảo rằng: “Đã đến lúc, không nên ẩn nấu nữa!” Rồi đem Phật pháp ra dẫn dò. Không bao lâu thì Võ Tông băng hà. Bá Quan đón Vương lên ngôi. Vua nhiều lần sai Sứ dùng lễ thầy trò mời Sư An, nhưng Sư cố từ chối. Khi Sứ tịch bèn thụ phong là Ngô Không Thiên Sư. Vua ban cho Hoàng Bá là Thô Hạnh Thiên Sư. Bùi Hưu tâu vua đổi thành Đoạn Tế (Tuyệt Đậu ca tụng Hoàng Bá nói đại ý rằng: Từng coi thường Thiên tử, ba phen dám dùng vũ lực, là vậy). Nước Nhật Bản sai Sa-môn Thường Hiểu sang Trung Quốc để tìm học Phật giáo của Đức Thích-ca.

Năm thứ năm, vua ban sắc cho các Châu Quận trong thiên hạ ngày Quốc Kỳ có hành hương, không được mang rượu thịt vào chùa. Vua mời ngài Hoảng Biện ở chùa Tiến Phước tại Kinh Triệu vào gặp. Vua hỏi: “Thế nào là đốn kiến, thế nào là tiệm tu?” Sư thưa: “Nhanh chóng rõ biết tự tánh mình đồng với Phật. Song người có tập nhiễm từ vô thủy thì phải nhờ tiệm tu để đối trị, khiến cho thuận Tánh mà khởi Dụng. Như người ăn cơm đâu phải một miếng mà no”. Vua mừng, bèn ban hiệu là Viên Trí Thiên Sư.

Tháng sáu, ở Kinh Thành, tiến sĩ Tôn Tiều dâng thư lên vua nói rằng: Trăm họ trai cày gáidệt mà không đủ no, nay bọn Tăng sĩ ngồi yên mà nhà đẹp, ăn ngon thừa mứa, đóng góp của mười hộ không đủ nuôi một Tăng. Võ Tông giận việc đó bắt hoàn tục hai mươi bảy vạn Tăng thì hai trăm bảy mươi vạn người trong thiên hạ mới được nghỉ ngơi. Bệ hạ không làm như Võ Tông để trừ cái tệ hại lâu ngày, nhưng sao lại phục hưng chi cái đã bỏ rồi. Xin Bệ Hạ ban chiếu rằng những Tăng nào chưa tu lại chớ tu, chùa nào chưa sửa lại đừng sửa...”, vua giận không nghe.

Tháng chín, các Nữ Tử ở Vụ Châu đồng chí nguyện cùng mở Tháp của Song Lâm Đại sĩ thì thấy từ đỉnh đến chân còn nguyên vẹn, rằng vẫn không hư, rước ra khỏi tháp cúng dường suốt bốn mươi chín ngày rồi táng lại ở tháp.

Năm thứ sáu, vua ban chiếu xây dựng lại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, truy thụ phong cho Viễn Sư là Biện Giác. Năm Hội Xương phá chùa, hai vị Tăng mang tượng Đức Văn-thù đem giấu vào hang Cẩm Tú ở đỉnh núi. Đến khi chùa hỏng thì tìm không có, hai vị Tăng nghi nhau đã giấu riêng. Bỗng thấy tướng lành Viên Quang hiện lên không trung. Từ đó trên đỉnh núi Phật Thủ và ao Nham Thiên thường thấy có ánh sáng. Nói Thiên Trì là chỗ rất cao và hiểm cách chùa Đông Lâm ba mươi dặm, ban đêm thấy trên không trung có đèn Thần từ xa đến, lúc đầu chỉ sáng bằng một ngọn đuốc, phút chốc có đến trăm ngàn vạn ngọn đèn.

Có người thấy trong mây có Đức Văn-thù hiện ra hoặc ẩn mất không chừng. Ai chí tâm khẩn lễ thì thấy hình Bồ-tát.

Tể Thần tâu vua: Nếu độ Tăng không tinh thì giới pháp hư hoại, nếu tạo chùa không chừng mực thì sẽ hoang phí nhiều tiền. Vậy xin từ nay về sau chỉ nơi thắng địa danh sơn thì cho tu tạo chùa chiền. Khi phục hồi cựu cung thì độ cho độ Tăng Ni. Kính nhờ Bản Châu Luật Sư chọn kỹ những người có đạo đức. Vua chấp thuận.

Năm Đại Trung thứ bảy, ở Đàm Châu ngài Quy Sơn Linh Hựu Thiên sư thị tịch, vua thụy phong là Đại Viên Thiên sư (thấy ở Bá Trượng).

Năm thứ tám, vua ban sắc cho Tam Giáo Thủ Tọa Biện Chương làm Tả Nhai Tăng Lục, Sa-môn Tăng Triệt làm Hữu Nhai Tăng Lục.

Sa-môn Sơ Ngôn ở chùa Nhạc Lộc tại Đàm Châu đến Thái Nguyên tìm Đại Tạng Kinh. Ở Hà Đông Tiết Độ Sứ Tư Không Lô Quân, Phó Sứ Vi Trụ đem kinh cho mọi người. Tiết Độ Tuần Quan Lý Tiết làm bài ký rằng: Người học Nho ham bài bác Phật tất sẽ luận rằng: Các đời Vũ Thang Văn Võ Chu Khổng đều không có Phật. Phật giáo chỉ hưng thịnh bắt đầu từ đời Hán, lưu truyền đến đời Tấn, phát đạt mạnh mẽ ở các đời Tống, Ngụy, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường, các đời này suy vi nên mới thờ Phật. Vậy cần nên quét một nhát cho sạch hết dưng để nó phát triển. Lời luận đó thật là thô thiển. Nay ta xin tinh tế nói rằng: Xưa có một người mập béo hình sắc tươi tắn, tinh thần mạnh mẽ, vui vẻ hòa thuận, thuốc men cầu cúng đều không dùng đến. Lại có một người bị bệnh phong thấp, gù lưng, chân thọt, tai điếc, mắt mờ nên phải dụng công mà chườm đắp thuốc và cầu cúng mãi. Vậy hai người đó có khác nhau chăng? Vì có bệnh và không bệnh nên khác mà thôi. Than ôi, trước Tam Đại là đời mạnh, cuối Tam Đại là đời bệnh. Trước Tam Đại là các đời Vũ Thang Văn Võ, thì đức nghĩa gieo khắp, Châu Công Khổng Tử thì giáo điển luôn được giữ gìn. Đạo phong dẫu có suy vi cũng còn có nhiều thấm đượm. Vì xảo trá không hơn được tín thành nên ác vẫn biết tránh Thiệt. Đến cuối Tam Đại thì phong tục suy đồi man trá nối nhau. Bỏ ruộng cày mà chuyên gồm muôn việc, tham đất đai nhà cửa thì ngày càng chiến tranh. Gian tà đã nung chí thì hiền sĩ khó dung thân. Bởi cho trên dưới cừu thù mà nảy sinh oán hận. Phật giáo chuộng sự thanh tịnh, dùng nhu hòa ép chế tất oán hận sẽ tiêu tan, nói bày nhân quả việc cùng thông đã thấy rõ thì sang hèn tất an phận, do đó mà vua tôi sĩ thứ đều phân biệt. Do đó mà đạo Phật cứu đời suy, không chuộng đạo Phật thì còn ai cứu được? Nay người luận không trách đời suy, không chịu

sửa đổi mà chỉ trách Phật đồ là vô dụng, thì đó là không thương xót bảo bọc người bệnh, mà lại mắng chê thuốc men cầu cúng cho ai? Không nghĩ rằng Phật giáo hoằng hóa cứu đời là lợi ích lớn mà chỉ ganh ghét chùa to chúng đông, chỉ trích đó là hèn kém mà không kiểm xem mình nói thật hay bậy, mà muốn quét sạch ngay một nhát, đó là thấy ngọn mà bỏ gốc vậy. Năm cuối Hội Xương, Võ Tông đuổi hết Đạo Chúng, dẹp sạch chùa chiền, các hình tượng gỗ đất đều quăng xuống nước, kinh sách giấy lụa đều ném vào lửa. Lại sai quan Ngự Sử rao truyền khắp thiên hạ ai cất giấu đều bị tội. Do đó mà danh lam thắng tích đều bị phá tan. Nay Thiên tử trước khi lập niên hiệu hãy sửa sai việc phế bỏ Phật giáo, gấp ban chiếu cho phục hưng mà từ Tây hồ cho đến Giang nam nơi xa xôi kính Pháp nhưng do cấm chỉ của triều đình quá nghiêm, mà đốt phá kinh tượng không xót mảy may. Cho nên dù lệnh sáng đã ban hành nhưng kinh sách không có, thì kẻ ở chùa Đạo Lâm đi Sương Tây thật kịp thời. Có Thích Sở Ngôn riêng bảo rằng: Phủ Thái Nguyên là Kinh đô cũ, chùa Phật rất nhiều, Đại Soái Tư Không Lô Công là bậc nhân từ trong thiên hạ, em ta tới tìm kinh sách cũ có thể được chăng? Rồi đến yết kiến ở quân môn, quả nhiên Lô Công sẵn lòng, bốn ngựa như bay đi tìm kinh sách thất lạc, chưa đầy tháng mà Kinh Luật Luận lên đến năm ngàn bốn mươi tám quyển, đem xe chở về. Ôi, đạo Phật cứu đời quả đúng thế! Nếu không phải đấng Minh Quân ta am tường đạo lý thì đâu cho phục hưng Đạo ấy, nếu không có ông Tư Không sùng kính đạo pháp thì số Kinh kia đâu thể đủ đầy, không được người như Sa-môn Sơ Ngôn thông hiểu vận Pháp, không nài xa xôi tìm kiếm thì sao được nhiều như thế. Nay vâng lệnh Thánh Thượng phục hưng đạo Phật, ơn đức khắp đời sau, công dụng kia đâu có lời lẽ bút mực nào tả hết được!

Bàn rằng: Bài văn này lập ngôn nêu lý đủ để dạy những kẻ ở đời không hiểu Phật pháp, khiến cho Thoái Chi thấy mà xấu hổ phục dài, bài tựa Tử Hậu Hạo Sơ nói là hợp với Dịch Luận Ngữ, nhưng không thể như bài văn này nói về công cứu đời, mà e lời ghi này có quá chăng? Về tên Lý Tiết không thấy ghi trong Đường Sử.

Năm Đại Trung thứ chín, ở Hồng Châu, Hoàng Bá Hy Vận Thiên sư thị tịch, vua thụy phong là Đoạn Tế Thiên Sư, Sư đặc pháp với ngài Bá Trượng. Khi Tướng Quốc Bùi Hưu trấn thủ Tân An có thỉnh Sư vào Quận để học hỏi Thiên Pháp, tôn ngài làm thầy, đem điều nghe hiểu soạn ra Truyền Tâm Pháp Yếu lưu hành trên đời (Sư là đời thứ tư dòng Nam nhạc).

Năm thứ mười, vua ban sắc mỗi năm khi độ Tăng nên căn cứ vào

giáo pháp Tam Học Giới Định Tuệ mà chọn độ những người có đạo đức, thông suốt pháp môn, còn các nghề mọn khác đều cấm chỉ.

Năm thứ mười hai, vua ra lệnh trong thiên hạ các chùa đều sửa chữa tháp mộ của các Tổ Sư. Sa-môn Tuệ Ngạc ở nước Nhật Bản đến lễ núi Ngũ Đài được tượng Đức Quan Âm, đi đường từ Tứ Minh, khi sắp về nước, thuyền qua núi Bồ Đà thì bị vướng đá không đi được nữa. Chúng trên thuyền nghi sợ cầu nguyện rằng: “Nếu Tôn Tượng về Đông hải (Nhật Bản) cơ duyên chưa chín xin thỉnh lưu lại núi này” thì thuyền liền nổi lên. Ngạc quá thương mến tượng không bỏ đi được, bèn cất chòi tranh trên biển mà thờ (nay bên núi có đá ngâm Tân La). Người đất Ngôn nghe thấy bèn đến thỉnh tượng về thờ ở chùa Khai Nguyên (nay người ta gọi là chùa Ngũ Đài hoặc Tượng Quan Âm không chịu đi). Sau đó có vị Tăng lạ mang gỗ quý đến chùa khắc giống tượng ấy, khóa cửa làm việc được một tháng thì khắc xong. Bỗng vị Tăng biến mất. Bèn rước tượng đến núi Bồ Đà. Núi ở giữa biển khơi cách phía Đông nam Ngân Thành khoảng sáu trăm dặm đường biển. Tức là nơi Kinh Hoa Nghiêm nói: “Ở Nam Hải nơi mịt mù bờ bến có núi tên là Bồ Đát Lạc Ca, có Bồ-tát Quan Âm ở trong ấy.” Tức Kinh Đại Bi nói là cung điện của Đức Quan Âm ở núi Bồ Đà Lạc Ca, tức là nơi ngài đối trước Đức Thích-ca nói Đại Bi Tâm Ấn. Núi ấy có Động Triều Âm sóng vỗ ì ầm suốt ngày đêm. Trước động có cầu đá. Những người đến đây chí thành chiêm lễ khẩn nguyện thì hoặc thấy hình Đại sĩ đang ngồi thiền hoặc thấy Thiện Tài đang đánh lễ đón tiếp hoặc chỉ thấy được tịnh bình bằng ngọc bích, hoặc chỉ thấy chim Tần già bay múa. Cách động sáu, bảy dặm có một Lan-nhã lớn, đó là nơi các nước ở Đông hải vào châu vua Trung Quốc, nơi các thuyền buôn thường tới lui. Nếu ai chí kính cầu cầu thì được ngài cứu giúp (Thảo Am Lục).

Năm thứ mười ba, vua ăn bánh thuốc của Đạo sĩ thì mọc ung thư ở lưng, tháng tám thì băng hà.

Bàn rằng: Võ Tông hủy hoại Phật pháp, tin Đạo sĩ ăn bánh thuốc mọc nhọt sau lưng mà chết, đời mới lấy đây mà khuyên răn. Tuyên Tông lánh kẻ thù làm Tăng, cuối cùng thì lên ngôi báu. Giận việc sa thải Tăng Ni năm Hội Xương mà giết và đày bọn Lý, Triệu, lại lập Giới Đàn Phương Đẳng khiến Tăng Ni thọ lại giới pháp, thì vua thật đã hết lòng. Nhưng đến năm cuối đời lại mặc y phục Đạo sĩ, ăn bánh kim đơn để phải mọc nhọt ở sau lưng. Cái lỗi là do ham được trường sinh mà không thấu suốt cái nghĩa vô thường trên đời, nên cuối cùng phải bị họa, làm trò cười cho người đời sau.

Đời Ý Tông: (tên Thôi, con cả của Tuyên Tông)

Năm Hàm Thông thứ ba, vua ban sắc cho Lương Nhai của bốn chùa, mỗi nơi đều lập Giới Đàn độ Tăng. Vua ở trong cung Cấm bày giảng tòa, tự mình lên nói đề Kinh, chính tay vua chép văn Phạm, nhiều lần đến các chùa bố thí.

Năm Hàm Thông thứ sáu, ở Lãng Châu, ngài Đức Sơn Tuyên Giám Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Kiến Tánh Thiền sư (thấy trong Long Nguyên, ngài thuộc đời thứ năm).

Năm Hàm Thông thứ bảy, ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền Thiền sư viên tịch, vua thụy phong là Tuệ Chiếu Thiền Sư. Người học tôn là Tông Lâm Tế (thấy trong đời thứ tư dòng Hoàng Bá Nam nhạc).

Năm thứ tám, tháng giêng, ở Tương Sơn tại Vĩnh Châu, ngài Toàn Chân Thiền sư ngồi thẳng mà thị tịch. Sư là người đất Sâm đi du phương, đến Tương Sơn lập chùa Phạm Vũ gọi là Tịnh Độ. Thiền chúng bốn phương tựu về thọ giáo. Đầu năm Hội Xương, bổng Sư bảo đồ chúng rằng: Tăng sẽ gặp ách nạn, phải đổi áo mao. Một hôm râu tóc rất dài, Sư khoác áo ráng tía bảo là áo Vô Lượng Thọ, đầu đội mao thanh không bào là mao Pháp Chân Không. Rồi thì quả nhiên Võ Tông dẹp Phật pháp. Khi Tuyên Tông phục hưng Phật pháp thì Sư lại không bỏ áo mao ấy. Đời gọi là Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện đến đây.

Năm thứ mười, ở Thụy Châu, ngài Động Sơn Lương Giới Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Ngộ Bản Thiền sư (thấy ở Vân Thanh Nguyên, đời thứ năm). Vua ban sắc truy thụy phong cho ngài Nam Sơn Đạo Tuyên Luật Sư là Trường Chiếu.

Năm thứ mười một, Tướng Quốc Bùi Hưu tạ thế. Hưu học với ngài Hoàng Bá được ý chỉ. Bình sinh ông không dùng rượu thịt, viết tập Khuyển Phát Bồ-đề Tâm Văn để kích phát người đời. Ông viết sách Phật như Kinh Viên Giác, Pháp Giới Quán Thiền Nguyên Thủy Chư Tự. Đời cảm phục cho là rất tinh yếu.

Tháng mười một, nhân Lễ Khánh Đản, vua ban sắc cho Lương Nhai vào điện Lâm Đức giảng luận Phật pháp và ban chức Tả Nhai Tăng Lục cho ngài Thanh Lan Tuệ Chiếu Đại sư, chức Hữu Nhai Tăng Lục cho ngài Ngạn Sở Minh Triệt Đại sư. Vua vốn nghe danh ngài Tuyết Phong Nghĩa Tồn Thiền Sư, ra sắc ban hiệu là Chân Giác Đại sư. Sư ở núi bốn mươi năm, Pháp tòa của Sư đứng đầu thiên hạ, chúng đến nghe có đến một ngàn năm trăm người. Mân Vương Vương Thị kính Sư làm thầy (xem Đức Sơn Thanh Nguyên đời thứ sáu).

Năm thứ mười hai, vua đến chùa An quốc ban bảo tòa trầm hương

cho ngài Tri Huyền Quốc Sư. Vua ở trong Cấm cung thiết lễ trai đãi vạn Tăng, tự lên tòa làm Tán Bái (bài Tán bằng tiếng Phạm), có vị Phạm Tăng lông mày dài đến ứng cúng. Khi thọ trai xong liền bay lên hư không mà đi (tức ngài Tân Đầu Lô).

Năm thứ mười bốn, tháng ba, sắm sửa các thứ màn trướng, phan lọng, bảo cái, tràng hoa báu cho tháp. Vua ban sắc cho Lương Nhai đến chùa Phụng Tường đón rước xá-lợi Phật về cung Cấm, trải suốt ba trăm dặm ngựa xe không ngớt, Quần Thần khen ngợi hết lời. Vua Hiến Tông xuống xe đón rước xá-lợi Phật. Vua nói: “Trẫm còn sống được thấy xá-lợi Phật rồi chết cũng không hận tiếc gì.” Đến ngày tám tháng tư thì xá-lợi Phật về đến, các cấm binh đã dùng âm nhạc nghi lễ đón rước rất long trọng. Khi đến Nam Giao vua ra cửa An Phước lên lầu kính lễ tiếp đón. Ban vàng lụa cấp bậc cho các Sa-môn và Kỳ Lão đã từng đón rước trong năm Nguyên Hòa. Xá-lợi Phật được để trong cung Cấm cúng dường suốt ba ngày. Rồi rước về hai chùa An Quốc và Sùng Hóa để các sĩ thứ đều được chiêm lễ. Đến tháng mười hai thì theo nghi lễ như trước mà rước về chùa Phụng Tường.

Đời Hy Tông: (tên Hoàng, con thứ năm của Ý Tông)

Năm Càn Phù thứ ba, Vật Ngoại Pháp sư truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Nguyên Tú Pháp sư. Ở Tuyên Châu, ngài Quy Dương Vô Liễu Thiền sư đã được chôn toàn thân trong tháp suốt hai mươi năm, bị núi khe che khuất, môn nhân đào lên thấy thân xác vẫn còn nguyên vẹn. Mân Vương nghe tâu bèn sai sứ khiêng về Phủ Đình cúng dường. Bỗng mùi xú uế bay xa. Mân Vương đốt hương khẩn nguyện xin đưa trả về nơi cũ ở Quy Dương và xây tháp, thì mùi hương lạ ngào ngạt khắp nơi. Cả thành cùng đến chiêm lễ. Bản Đạo tâu vua, vua thụ phong là Chân Tịch Đại sư, Tháp tên Linh Giác. Đệ tử ngài là Tuệ Trung gặp nạn sa thải nên mặc áo tục mà qua đời và được chôn ở phía Đông tháp của Sư. Nay là một chân thân ở Quy Dương, sĩ thứ đều kính quý, xem như di thể của một vị Tăng.

Năm Trung Hòa thứ nhất, giặc Hoàng Sào xâm phạm Trường An tự xưng là Đại Tề. Vua đến thành đô, bèn chiêu mời ngài Tri Huyền Quốc Sư đến Hành Cung bàn việc lớn. Vua ban cho ngài hiệu Ngô Đạt Quốc Sư. Sư ở tại Hành Cung khá lâu, sau giả từ vua về Cửu Lũng. Sư nhập định thấy Bồ-tát xoa đảnh nói pháp, nói xong liền ẩn mất. Bỗng thấy một viên ngọc chui vào vế trái, nổi nhọt rất đau đớn. Trên mụn nhọt có hai chữ Triệu Thố. Huyền biết là nghiệp kiếp trước, liền nằm

ngiêng hông phải mà tịch. Đời cho tiền thân của Huyền chính là Tri Huyền Pháp sư ở núi Tam Học tại Hán Xuyên, cũng bị bệnh mà lâm chung, cũng giống trường hợp này (theo Hán Thư: Thời Văn Đế, Thái tử nước Ngô vào triều kiến được cho hầu Hoàng Thái tử. Vì uống rượu say tranh đường đi nên vô lễ. Hoàng Thái tử dẫn Bác Cục Đề giết đi. Ngô Vương do đó cáo bệnh không về triều và bắt đầu mưu phản. Thái tử khiến Triệu Thố mấy lần dâng thư nói: Lỗi Ngô Vương đáng giết. Văn Đế khoan dung không nỡ phạt. Đến khi Cảnh Đế lên ngôi, Thố lại dâng thư nói: Ngô Vương trước đây có từ bỏ Thái tử. Vua dụ rằng: Những kẻ vong nhân trong thiên hạ mưu loạn thì khiến trị tội cũng phản mà không trị tội cũng phản. Đến khi Sở Triệu Giao Tây ba vua đều mắc tội bị phạt ở Quận Huyện, đình thần mới bàn việc nên phạt nước Ngô. Ngô Vương nhân đó hẹn bảy nước cùng làm phản, lấy cớ là giết Triệu Thố. Tướng Ngô là Viên Áng vào triều kiến. Vua cùng Thố đang bàn việc quân lương. Vua hỏi Áng có việc gì, Áng xin cho tả hữu lui ra. Triệu Thố lánh mặt ở Đông Sương lòng rất hận Áng. Áng tâu: “Hai nước Ngô Sở cùng đưa thư hẹn rằng: Tặc Thần Triệu Thố chuyên quyền cướp đất các nước Chư hầu, nên họ phải mưu phản. Nay muốn cùng giết Thố để lấy lại đất cũ, xin tính kế giết Thố rồi sai Sứ tha tội bảy nước và trả lại đất cũ cho họ, thì binh tướng khỏi hao chiến trận đều đẹp”. Vua suy nghĩ một lúc lâu rồi nói: “Ta không vì thương một người mà bỏ cả thiên hạ.” Vua ra lệnh cho Thừa Tướng hặc tội nêu trên mà bắt Thố chém ngang lưng ở phía Đông chợ. Long Hưng Tú Sư nói rằng: Đời gọi Tri Huyền là hậu thân của Viên Áng. Từ đời Hán Văn Đế đến đời Đường Hy Tông đã hơn bảy trăm năm, Áng đền nợ cho Thố cũng đã đủ. Nay còn bị ác báo mà chết là sao? Bởi Áng và Thố trước kia đã có tư thù. Đến khi Thố bàn việc cướp bảy nước mà bị bảy nước phản lại, thì nhân lúc đó Áng xin vua chém Thố. Cảnh Đế sợ mà phải theo trọn không có bản ý. Kịp khi Thố bị giết mà bảy nước lại không lui binh, thì Áng đã mượn tay người để trả thù riêng vậy. Đã trải qua mười đời mà báo xưa vẫn tìm mãi không thôi, không đáng kinh sợ sao?

Bàn rằng: Châu Võ đẹp Phật pháp mà Sư Tri Huyền kháng biện mạnh mẽ tinh vi, vua không bắt bẻ được. Đường Võ sa thải Pháp sư mà Tri Huyền cũng lên giảng tòa biện luận, hàng Đạo sĩ cũng không khuất phục được. Cả hai triều đều có tiếng của Tri Huyền, đều gặp phước Giáo, đều làm Pháp sư ở triều, đều lên biện luận... thì ý Sư đã có thể xưa nên phải khiến thế. Đến khi làm Tri Huyền ở núi Tam Học thì tên cũng không khác mấy. Xem đã ba đời làm Sa-môn có đạo đức mà việc đền

trả báo xưa vẫn chưa thôi. Trong lúc Triệu Thố sang Đông Sương để tránh Áng, lúc đó lòng đầy oán hận, cho đến khi bị dẫn tới chợ Đông thì nỗi oán hận càng dữ dần to lớn và khi bị hành hình thì tất phải khởi ác nguyện là đời đời kiếp kiếp báo thù. Cho nên khi Pháp sư sắp chết thì liền thấy tướng báo này, hoặc cũng do Đạo lực của Sư đã suy giảm nên phải thọ báo. Mà viên ngọc châu kia có âm giống chữ Tru là giết. Xưa Áng xin vua giết Thố thì nay Thố cũng giết lại Áng. Chữ Huyền cũng đọc giống chữ Viên, mượn tên để thấy rõ họ xưa, thật lạ thay!

Năm Trung Hòa thứ ba, Sa-môn Đại Hạnh ở Thái Sơn tụng kinh Di-đà đến ngày thứ hai mươi mốt thì nửa đêm bỗng thấy đất bấu lưu ly, trên đó có bảo đài. Và trên bảo đài có Đức Phật, hai vị Đại sĩ và vô số hóa Phật cùng hiện ra trước. Vua nghe lấy làm lạ, bèn mời vào Cung hỏi việc nghe thấy, rồi ban hiệu là Thường Tinh Tấn Bồ-tát và tước là Khai Quốc.

Năm thứ tư, ở Tứ Châu, Thứ Sử Lưu Nhưưng tâu: Khi sửa tháp của Mộc Xoa của đệ tử Tăng-già thì được tám trăm hạt xá-lợi và dâng lên vua. Vua ban chiếu lấy xương đắp làm tượng và thụy phong là Chân Tướng.

Đời Chiêu Tông: (tên Hộ, con thứ bảy của Ý Tông)

Năm Long Kỷ thứ nhất, nhân lễ Phật đản, vua ban sắc cho Lương Nhài Tăng Đạo vào nội điện để bàn luận. Ngài Tú Pháp sư ở chùa Quốc Thanh truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho Thanh Tùng Pháp sư.

Năm Đại Thuận thứ hai, ngài Ngưỡng Sơn Tuệ Tĩnh Thiền sư ở Viên Châu thị tịch. Sư học đạo với ngài Quy Sơn, đời gọi là Tông Quy Ngưỡng. Khi xưa, Sư lãnh đồ chúng ở núi Vương Mãng. Một hôm từ Thiền Sàng Sư ra đi tìm đất. Sơn thần thưa là không đủ chỗ dung chứa. Ở phía Đông nam có ngọn Đại Ngưỡng là phước địa ở đời, Sư bèn dời đến ở đó. Lâu sau đồ chúng đông, nơi ở chật hẹp. Một tối, Sơn thần dời miếu đến Đổ Điền cách đó ba mươi dặm để lánh (Sư là đời thứ năm dòng Nam nhạc).

Năm Cảnh Phước thứ nhất, Ngô Việt Vương ở Tiền Lưu tại núi Thạch thành tại Viêm Huyện lập chùa Thụy Tướng để thờ tượng đá Di-lặc ba đời.

Năm Càn Ninh thứ hai, ngài Văn Cự Thiền sư yết kiến ngài Tây Viện Đại An Thiền Sư. Mới thấy từ xa, Sư cười bảo: Hãy nhập Niết-bàn đi! Sư Văn Cự dạ rồi thị tịch. Lúc đó có cả trăm Tăng bị bệnh thời khí (dịch tả), Sư lấy gậy mà điểm thứ tự, điểm ai đều ngồi dậy khỏi bệnh. Mân

Vương kính trọng sự kỳ dị ấy bèn lập Quốc Hoan Viện mời Sư đến ở.

Năm thứ ba, vua ban sắc cất lại chùa Thảo Đường nơi ngài La-thập dịch kinh.

Năm thứ tư, ở Viện Quan Âm tại Triệu Châu, ngài Tông Thắm Thiền sư thị tịch, thọ một trăm hai mươi tuổi. Vua thụy phong là Chân Tế Thiền sư (thấy ở Nam Tuyền. Sư thuộc đời thứ tư dòng Nam nhạc).

Triệu Soái Vương Công vào Viện chiêm lễ, ngài Triệu Châu ngồi mà hỏi rằng: “Đại Vương hiểu chăng?” Vương nói: “Không hiểu”. Sư bảo: “Từ nhỏ trì trai, nay thân đã già gặp người mà không đủ sức xuống Thiền sàng tiếp đón”. Vương càng kính trọng. Sáng hôm sau khách truyền nhau lời nói ấy, thì Sư xuống Thiền sàng đón tiếp. Thị giả hỏi ý gì? Sư bảo: Loại người hạng nhất thì ngồi trên Thiền sàng mà tiếp, loại người hạng nhì thì xuống Thiền sàng mà tiếp, còn hạng thấp nhất thì ra ngoài cửa núi mà tiếp.

Vua ra sắc ban cho Sa-môn Giác Huy làm Tả Hữu Nhai Phó Tăng Lục (chức phó mới bắt đầu từ đây).

Năm Quang Hóa thứ hai, Phủ Châu nói rằng: Ở Tào Sơn có các vị Phạm Tăng tu tập trên đỉnh núi, người làng theo tìm thì đều bay đi hết chỉ để lại cái nón lá kiểu rất xưa. Vua ban sắc lập chùa Hà Ngọc Thiền ở nơi ấy.

Năm Thiên Phục thứ nhất, giặc núi Hứa Ân làm loạn, khi đến Kính sơn ở Hàng Châu đào một tháp cổ của một Thiền sư thì thấy có hai bình chôn chung, mà nhục thân Sư thì tóc dài phủ mặt. Bình giặc đều kinh sợ bỏ chạy. Ngô Việt Vương ra lệnh đem chôn lại.

Năm thứ hai, ở Hồng Châu, Vân Cư Đạo Ứng Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Hoằng Giác (thấy ở Động Sơn, đời thứ sáu của Thanh Nguyên).

Năm thứ ba, ở Phủ Châu, ngài Tào Sơn Bản Tịch Thiền sư thị tịch, vua thụy phong là Nguyên Chứng. Sư đắc pháp với ngài Động Sơn. Đời gọi là Tông Tào Động.

Ở Kinh Triệu có Hà Tử Hòa thượng, tự Ấn Tâm ở Động Sơn, sống lẫn lộn ở đất Mân (tỉnh Phúc Kiến), ngày thì đi dọc theo bờ sông nhặt lượm tôm ốc để ăn, đêm vào ngủ ở đồng giấy tiền trong miếu Bạch Mã. Hoa Nghiêm Tĩnh Thiền sư đêm vào chỗ giấy tiền rình chờ. Sư đến, Tĩnh Thiền sư giữ lại hỏi: “Tổ Sư từ Tây Vực đến có ý gì?” Sư đáp: “Trước thân một mâm rượu đây”. Tĩnh Thiền sư lạy tạ lui ra. Sau, Sư vào kinh Triệu giả khùng trước mọi người, thân dị khó lường.

Ở Thiều Châu, ngài Vân Môn Văn Yển Thiền sư tụ họp đồ chúng

cả ngàn người. Vua Hán họ Lưu mời vào nội điện (Đô ở Quảng châu) để học hỏi pháp yếu, thờ Sư làm thầy. Sư đặc pháp với ngài Vân Phong, gọi là Tông Vân Môn (Sư thuộc đời thứ bảy của Thanh Nguyên).

Đời Cảnh Tông: (tên Cơ, con thứ chín của Chiêu Tông)

Năm Thiên Hựu thứ nhất, nhân lễ Phật đản, vua ban lệnh tại các chùa quán trong thiên hạ đều thiết trai, cấm dân gian câu cá mổ thịt vào ngày ấy. Lữ Động Tân dạo chơi Hoa Sơn gặp Chung Ly Quyền trao cho kim đơn và kiếm pháp. Sau đến Núi Huỳnh Long ở Ngạc Châu gặp ngài Cơ Thiên sư đang thượng Đường bèn nghiêm nghị đến hỏi rằng: “Thế giới giấu trong một hạt lúa, một nửa bay nằm trong chỗ để nấu núi sông đó là ý gì?” Sư đáp: “Giữ thầy quý”. Động Tân hỏi: “Tại sao trong túi có thuốc trường sinh”. Sư nói: “Hiếu Kinh tám vạn kiếp lại rơi vào không vong”. Tân không phục, đêm đến Tân phóng kiếm uy hiếp. Sư đã biết trước, bèn lấy pháp y trùm kín đầu và ngồi ở Phương Trượng. Kiếm bay quanh mấy vòng. Sư chỉ tay thì kiếm rơi xuống đất. Động Tân liền đến tạ lỗi. Sư gạn hỏi: “Phân nửa bay lên chỗ thì không hỏi vậy như thế nào là thế giới giấu trong một hạt lúa?” Tân bỗng lĩnh ngộ, bèn đọc kệ tạ lỗi rằng: Từ khi gặp được Huỳnh Long, mới hay từ trước mình dùng Tâm sai (Tiên Uyển Di Sự).

NHÀ LƯƠNG NGŨ ĐẠI: (đóng Đô ở Lạc dương)

Đời Thái Tổ: (tên Chu Ôn, vua ban tên là Toàn Trung)

Năm Khai Nguyên thứ nhất, vua ban sắc Tăng Ni đổi thuộc Tự Bộ. Sa-môn Trí Tuyên ở Tuyên Châu đến Tây Trúc cầu kinh trở về đến Cung Khuyết dâng lên vua xá-lợi Bích-chi-phật và kinh lá bối chữ Phạm.

Năm thứ hai, tháng hai, ngài Tuyết Phong Nghĩa Tôn Thiên sư thị tịch. Tháng mười một, Huyền Sa Sư Bị Thiên sư thị tịch. Sư đặc pháp với ngài Tuyết Phong. Lúc tuổi già Sư đến ở Huyền Sa, đồ chúng có đến ngàn người, Sư ứng cơ hoằng hóa suốt hai mươi năm. Mân Vương kính Sư như thầy. Khi lâm chung vua ban cho Sư hiệu Tông Nhất.

Năm thứ ba, nhân tiết Đại Minh, bách quan cùng đến chùa hành hương chúc thọ.

Năm thứ tư, Ngô Vương Tiễn Lưu có con nhỏ cho làm Tăng. Vua ra sắc ban cho Tử Y, hiệu là Vô Tướng Đại sư và thêm ba mươi lạp.

Đời Mạt Đế: (tên Trấn)

Năm Trinh Minh thứ nhất, Sa-môn Quy Tự ở Viện Đông Tháp

dâng lên vua Kinh Luận Hội Yếu. Vua ban chiếu ghi vào Đại Tạng và ban hiệu là Diển Giáo Đại sư.

Năm thứ hai, Ngô Việt Vương Lưu sai Sa-môn Thanh Ngoại cùng em là Tiền Hoa đến núi A-dục Vương ở Tứ Minh rước xá-lợi Đức Thích-ca ở tháp, thuyền đến Tây Lăng, đêm đến tháp chiếu sáng Triết giang đẹp như một bức họa. Vua đích thân đón xá-lợi về chùa La-hán bày lễ cúng dường.

Ở Tứ Minh, có Phụng Hóa Bồ Đại Hòa thượng ngồi trên tảng đá ở Đông Lang chùa Nhạc Lâm mà hóa, chôn ngài ở Phong Sơn. Chôn rồi nhưng lại có người gặp ngài đang ở trên đường đến Đông dương, ngài dặn rằng: “Ta cầm nhầm một chiếc giày đến đây, vậy xin mang về dùm.” Khi đến nơi mới biết ngài đã tịch rồi. Đồ chúng xem lại huyệt thì thấy quả chỉ còn một chiếc giày mà thôi. Khi xưa ngài đến không ai biết ngài ở đâu, ngài chỉ tự xưng là Khế Thử, trán thấp bụng to, nói việc kiết hung cho người rất ứng nghiệm, thường lấy gậy quải một túi vải lớn khắp khuyến hóa chợ búa, thấy vật gì cũng xin, đem dồn hết vào túi vải. Có khoảng mười sáu trẻ nít ồn ào chạy theo tranh nhau giựt túi. Có khi ở giữa mọi người thì banh túi lấy ra nào chén bát gỗ đá giày dép cơm cá rau thịt... bày ra bảo: “Xem đi! Xem đi!” Rồi nhặt lên từng cái hỏi: “Cái này là cái gì?” Lại lấy gói phân dơ bảo: “Cái này để dưới đáy Di-lặc Nội Viện”. Có lần đứng bên đường, có vị Tăng hỏi: “Làm gì đó?” Sư đáp: “Chờ một người”, rồi bảo: “A, đến rồi!” Sư lấy ra một trái quýt đưa cho, vị Tăng định lấy thì Sư rút tay lại, bảo: “Ông không phải là người đó!” Vị Tăng hỏi: “Thế nào là ý của Tổ Sư từ Tây Vực sang?” Sư bỏ túi vải xuống đất rồi đứng chấp tay. Vị Tăng nói: “Cái đó không có ở đây!” Sư liền lấy túi quẳng lên vai rồi đi. Có lúc đi sau một vị Tăng, Sư vỗ vào lưng. Vị Tăng quay lại, Sư bảo: “Cho tôi một tiền đi!” Có lần ở chỗ nhà xí Sư bảo chúng rằng: “Khi đi hóa duyên không được ở đây mà tiêu tiểu.” Người trong Quận là Tướng Ma-ha cùng đi với Sư. Một hôm cùng tắm ở bãi sông, Tướng thấy ở lưng Sư có một con mắt bèn vỗ vào mà nói: “Ông là Phật”. Sư ngăn lại bảo: “Chớ nói cho ai biết”. Sư thường dạy Tướng niệm Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật. Nên người đời gọi Tướng là Ma-ha Cư Sĩ. Khi xưa, Sư dạo chơi đất Mân (tỉnh Phúc Kiến) có Trần Cư Sĩ cúng dường rất chuyên cần, hỏi Sư mấy tuổi. Sư nói ta và túi vải này bằng tuổi với hư không. Lại hỏi nguyên do. Sư nói: Ta vốn họ Lý sinh ngày tám tháng hai, năm Thiên Phước thứ nhất đời Tấn. Bô Diển Lệnh là Vương Nhân gặp sư ở đất Mân, làm một bài kệ. Sư để lại một bài kệ rằng:

*Di-lặc thật Di-lặc
Phân thân ngàn trăm ức
Lúc đó dạy người đời
Người thời ấy không biết.*

Sau có người ở bên Tháp mộ của Sư được cái tịnh bình bằng gốm men xanh, sáu chiếc vòng của tích tượng bèn đem để vào chùa.

Năm Trinh Minh thứ tư, có Tam tạng Bát-đát-la từ Tây Thiên đến nước Thục, tự bảo là từ nước Ma-gia-đà đến Ích Châu, trải qua chín vạn chín ngàn ba trăm tám mươi dặm. Lúc đó là năm Quang Thiên thứ nhất, đời vua Vương Kiến nước Thục. Ngài Tam tạng tự nói là đã hai trăm bảy mươi tuổi.

Bàn rằng: Từ phương này đến Thiên Trúc có hai đường.

1. Đường Tây bắc, là từ Đôn Hoàng Dương Quan đi qua các nước Tây Vực, qua Thông Lãnh Tuyết Sơn rồi vào Cảnh giới Bắc Thiên Trúc. Từ đời Hán xa xưa, Ma-đăng, Trúc-pháp-lan từ Tây Vực sang và ngài Đường Huyền Trang từ Đông đến phải đi qua đường này.

2. Đường Tây nam, tức từ Nam Hải ngồi thuyền đến nước Phật Thệ, nước Yết Trà, đi về phía Tây bắc đến nước Đam Ma là ranh giới Đông Thiên Trúc (đây là ranh giới phía Nam của Đông Trúc, tức cửa biển nơi lên thuyền về Đường), từ đời Lương xưa, ngài Đạt-ma từ Tây Vực đến, ngài Nghĩa Tịnh Tam tạng và Hội Ninh từ Đông sang là đi đường này.

Nay Bát-đát-la đến nước Thục là hướng Chánh Tây, tức là nơi Trương Khiên nói là phía Đông nam nước Đại Hạ cách Thục không bao xa. So với hai đường này tất phải gần hơn. Mà nay nói phải đi qua khoảng mười vạn dặm, tất là phải quanh co sông núi, do phong tục tập quán không thông mà đường xá lòng vòng, cho nên phải hơn mười năm mới đến được Thục. Từ xưa đến nay chỉ có một mình Bát-đát-la, chứ người ở Phương này không có ai đi đường đó cả.

Năm Trinh Minh thứ sáu, nhóm Mạt Ni ở Trần Châu làm phản, lập Mẫu Khất lên làm vua. Triều đình ra quân bắt sống Mẫu Khất đem chém. Đám môn đồ này không ăn mặn uống rượu, ban đêm tập họp làm việc dâm dục, ngày ngồi xỏm theo kiểu Ma vương rồi ngồi kiết già theo Phật cho phép rửa chân. Nói Phật là Đại thừa mà pháp của mình là Thượng thừa, hống hách coi Pháp luật không ra gì đến như thế.

Năm Long Đức thứ nhất, vua ban lệnh trong thiên hạ không ai được riêng độ Tăng Ni, người muốn xuất gia phải vào kinh thành tử thí Kinh sách.

NHÀ ĐƯỜNG: (đóng Đô ở Lạc dương)

Đời Trang Tông: (tên Lý Tồn Úc)

Năm Đông Quang thứ nhất, tiết Phật đản, vua ra sắc lệnh cho Tăng Lục Huệ Giang, Đạo sĩ Trình Tử Tiêu vào nội điện đàm đạo và thiết trai đãi ngàn Tăng. Sa-môn Đạo Hiền ở Phụng Tường mộng thấy đến Ngụ Thiên Trúc gặp Phật chỉ cho nước này, xóm này... Đến sáng lại biết rành tiếng nước Ngụ Thiên Trúc, bèn truyền Phấn Đàn Pháp ở đời, người ta gọi là Pháp của Phụng Tường A-xà-lê. Đầu năm Thanh Thái, Sư theo Mạt Đế vào Lạc dương thì qua đời, tháp ở Long Môn.

Năm thứ hai, vua ban sắc cho Tam Thánh Tuệ Nhiên Thiên sư vào nội điện để học hỏi Thiên Pháp. Vua nói: Trẫm đến Đại Lương nhất được một hạt Vô Giá Bảo Châu chưa có ai trả giá. Tuệ Nhiên nói: Xin Bệ Hạ cho xem Bảo Châu. Vua chỉ tay vào khăn bịt đầu mình. Nhiên tâu: Bảo Châu của vua chúa ai dám trả giá. Vua rất vui. Bổng Sư thị tịch. Vua thụy phong là Quảng Tế Đại sư và Tháp là Thông Tịch.

Năm thứ ba, Ky Tướng Sử Ngân Sang có chiến công, theo vua vào Lạc Dương, bổng ngộ Thiên Đạo, xin vua được xuất gia tên là Khế Trưng, vua ban hiệu là Vô Học Đại sư, lấy nơi ở là Lập Đức Viện.

Đời Minh Tông: (tên Bẩm, em nuôi của Trang Tông)

Năm Thiệu Thành thứ nhất, tiết Phật đản, vua ban sắc cho Tăng Lục Vân Biện cùng Đạo sĩ vào nội điện đàm đạo.

Năm thứ hai, tháng hai, vào mỗi chiều vua ở trong Cung đốt hương khẩn trời rằng: Có người Hồ nào vì đời loạn mà được chúng tôn vinh, nguyện xin trời sớm sinh Thánh nhân để làm chúa dân sinh.

Năm thứ ba, Mân chúa là Vương Đình Quân vốn kính Phật, năm ấy độ Tăng được hai vạn người. Tại La-hán Viện ở Chương Châu, Quế Sâm Thiên sư thị tịch, Sư đặc pháp với ngài Huyền Diệu. Triều Mạt Đế thụy phong là Chân Ứng Thiên sư (đời thứ tám của Thanh Nguyên).

Đời Mạt Đế: (Tên A, con nuôi của Minh Tông)

Năm Thanh Thái thứ nhất, tháng hai, Công Đức Sư tâu: Mỗi khi gặp lễ Phật đản xin vua cho các Châu Quận tiến cử các Tăng Ni lập viện giảng kinh, Thiền định, Trì niệm và Nghị luận văn chương làm bốn khoa để khảo thí được chăng? Vua chấp thuận (Hồng Dung Trai Tam Bút trích dẫn Ngũ Đại sử).

Ở Huyện Sùng An tại Kiến Châu có Khẩu Băng Cổ Phật tên là Thám Tiên. Lúc đầu đến yết kiến ngài Tuyết Phong thì đem theo một

bịch củ năng và một lọ nước tương để biếu. Ngài Tuyết Phong hỏi: “Vật gì trong bịch?” “Dạ củ năng”. “Thứ này lấy ở đâu?” “Dạ trong bùn”. “Bùn sâu hay cạn?” “Dạ không tới mấy trượng”. “Còn có nữa không?” “Dạ càng sâu càng nhiều”. Lại hỏi: “Thứ gì trong lọ?” “Dạ tương”. “Thứ này làm sao có?” “Dạ nấu rồi ủ”. “Đã chín chưa?” “Dạ chưa rục lắm”. Ngài Tuyết Phong bảo rằng: “Ngày sau ông sẽ là thầy của vua chúa.” Tháng mùa Hạ Sư thường mặc áo vỏ cây gió mà ngồi, tháng mùa Đông thường đập băng mà tắm, nhân đó gọi là Khấu Băng. Mân Vương Đình Quân thỉnh Sư ở Thụy Nham, rồi đến ở Kiến Châu. Thứ Sử Trần Hối đãi cơm ngàn Tăng hỏi Sư rằng: “Hôm nay trong hội này có người lạ chăng?” Sư đáp: “Không có, sáng mai sẽ có một vị Bồ-tát đến với ngài”. Sáng hôm sau Trần Hối thiết trai để đợi. Có một bà lão từ ngoài bước vào, bèn đón ngồi trên chiếu. Ăn xong thì bỏ đi. Sư nói: “Đó là Thụy Tạng Bồ-tát.” Bỗng bà cụ trở lại chỉ Sư bảo: “Bích Chi Cổ Phật vì sao lắm lời thế?” Nói xong biến mất.

Năm Thanh Thái thứ hai, Sa-môn Tử Lân ở Tứ Minh đến các nước Cao Ly, Bách Tế, Nhật Bản truyền trao giáo pháp Thiên Thai. Nước Cao Ly sai Sứ Lý Nhân Nhật đưa Tử Lân trở về. Ngô Việt Vương Tiên Lưu sai Quận Thành lập viện để chứa chúng Tăng.

NHÀ TẤN: (đóng đô ở Đất Biện)

Đời Cao Tổ: (tên Thạch Kính Đường)

Năm Thiên Phước thứ hai, ở Lạc dương, Tuyên Huy Tướng Chu Sùng đào đất nhà được mười tượng Phật bằng đá rất lớn, có bia ghi rằng: “Đời Đường, năm Thùy Cửng thứ sáu tạo ra ở chùa Cảnh Phước.” Sùng rất cảm ngộ, liền bỏ chỗ ở mà sửa làm chùa. Ngài Tùng Pháp sư ở chùa Quốc Thanh truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Hy Tịch Pháp sư.

Năm thứ ba, vì Dương Quang Viễn làm Thiên Hạ Công Đức Sư nên tất cả Tự Viện đều thuộc quyền ông.

Năm thứ tư, vua sắc lệnh vào Ngày Quốc Kỳ thì Tế Thần bá quan đều đến chùa hành hương cúng trai phạm, làm nghi thức vĩnh viễn. Sa-môn Khả Hồng ở Hán Trung dâng lên vua Đại Tạng Kinh Âm Nghĩa gồm bốn trăm tám mươi quyển, vua ban sắc cho nhập vào Đại Tạng.

Ở núi Thiên Trúc tại Hàng Châu, có Sa-môn Đạo Dực nhật được một khúc gỗ quý đem khắc tượng Quan Âm Đại Sĩ. Có Sa-môn Tông Huân từ Lạc Dương đem xá-lợi Cổ Phật đặt vào hào tương của tượng. Sau đó thường thấy xá-lợi ở trên mào, từ nhục kế Phật lại phóng ra ánh sáng rực rỡ rất là linh thiêng.

Đời Thiệu Đế: (tên Hạp Quý, con họ của Cao Tổ)

Năm Khai Vận thứ nhất, vua ban sắc vì Cao Tổ viết Đại Tạng Kinh đem thờ ở chùa Minh Thánh để tạo Hồng Phúc. Tháng sáu, Ngô Việt Vương Tiền Hoàng Tá sai Tăng Tuệ Quy đến Song Lâm khai quật tháp của Thiện Tuệ Đại sĩ được mười sáu mảnh linh cốt, có vô số xá-lợi sắc vàng ròng. Cốt linh chi màu tía mọc trên nền gạch, hai con hổ nằm phục bên mộ, mây lành che đỉnh núi, mưa cam lộ rưới đất. Bèn rước linh cốt xá-lợi cùng tịnh bình lò hương, gõ cửa khua chiêng, linh khánh cùng đưa về điện Quang Sách ở Tiên Đường để cúng dường. Rồi lập chùa Long Hoa, lấy hài cốt đó đắp thành tượng Đại sĩ để thờ.

Năm Khai Vận thứ ba, có người dân ở huyện Thượng Nguyên tại Kim Lăng, bỗng chết đột ngột do bị bắt lầm vào Minh Phủ, thấy Tiên chủ nhà Đường bị giam cầm rất nghiêm ngặt. Người ấy ngạc nhiên đến hỏi: Vì sao Chúa đến nỗi này? Vua nói: “Ta đánh nhau với hai nước Tống, Tề đã giết lầm cả ngàn người đến hàng ở Hòa Châu, nên bị số người chết oan tố cáo.” Người ấy bảo: “Thần bị bắt lầm tất phải trở về”. Vua khóc lóc bảo rằng: “Ta bị giam nhốt ở đây khi nghe tiếng chuông chùa các khổ mới tạm dừng”. Người trở về tâu với vua con ta rằng: “Phàm các tự viện cần nên đóng chuông khiến tiếng ngân dài, lại tạo cho ta một hồng chung, đó là cách cứu khổ lớn nhất.” Người ấy nói: “Hạ thần lấy gì để làm chứng cứ?” Vua bảo: “Ta có nhận được tượng Thiên Vương bằng ngọc quý ở nước Vu-diên, đã giấu trong bột hương để ở gối trái của tượng Phật tại chùa Ngõa Quan không ai biết cả.” Người ấy trở về tâu vua. Vua đích thân đến chùa Ngõa Quan vạch đầu gối tượng Phật thì quả tìm được tượng ngọc ấy, cảm động khóc thương, rồi liền tạo ra một hồng chung để ở chùa Thanh Lương, có khắc trên chuông rằng: “Kính dâng Liệt Tổ Hiếu Cao Hoàng Đế mau thoát nạn chốn u minh.” Lại xây tháp thờ Tượng Ngọc tại Tượng Sơn.

NHÀ HÁN: (đóng Đô ở Tấn Dương)**Đời Cao Tổ:** (tên Lưu Cảo, tên cũ là Tri Viễn)

Năm Thiên Phước thứ mười hai, Thượng Trụ Quốc là Quách Lệnh Oai, lập bia về Kinh Kim Cang Bát-nhã ở Thọ Xuân

Đời Ấn Đế (tên Thừa Hựu, là cháu con chú bác của Cao Đế)

Năm Càn Hựu thứ nhất, Ngô Việt Vương Tiền Thục, thỉnh Sa-môn Đức Vận ở Thiên Thai làm Quốc Sư, kính lễ thầy trò. Năm thứ hai, ngài Văn Môn Văn Yển Thiên sư ngồi mà tịch, tháp táng toàn thân ở Phương trượng.

NHÀ CHU : (đóng Đô ở đất Biện)

Đời Thái Tổ: (tên Quách Lệnh Oai)

Năm Quảng Thuận thứ nhất, Lý Thủ Chánh làm phản ở Hà Trung, Thái Tổ đem quân thân chinh, đến Ma Y Đạo Giả nói với Triệu Phổ rằng: “Lý Thị Trung làm sao lâu được, dưới thành có khí tượng của cả ba Thiên tử.” Không bao lâu thì thành bị vây hãm. Lúc đó Thế Tông và Thái Tổ triều ta cùng theo hầu. Năm thứ hai, nhân tiết Phật đản, vua ban sắc cho Tể Thần và bá quan đến chùa, Quán làm lễ chúc thọ ở đạo tràng.

Đời Thế Tông: (tên Sài Vinh, là con nuôi của Thái Tổ)

Năm Hiến Đức thứ nhất, ngài Nghĩa Sở Pháp sư ở chùa Khai nguyên tại Tề Châu dâng lên vua các kinh Phật mà mình đã tuyển soạn được sáu Thiếp. Vua ra sắc giao cho Sử Quán ban hành và ban cho Tử y.

Năm thứ hai, tháng tư, vua ban chiếu rằng: “Đạo Phật thật là một đạo giúp đời làm thiện, truyền bá giáo pháp cần nên luận rõ tốt xấu. Từ nay trở đi không cho lên độ Tăng Ni và những ai không hiếu kính nuôi nấng cha mẹ thì không cho xuất gia. Còn các Tự Viện không có sắc vua thì nên hủy bỏ”.

Tháng chín, vì đã lâu không có đức tiền, vua ra sắc lệnh trừ các loại như Pháp vật của Huyện Quan, các binh khí và những chuông khánh, nã bạt chuông lặc của các Chùa, Quán thì để lại. Ngoài ra các vật bằng đồng kể cả tượng Phật trong dân gian, hạn trong năm mươi ngày đều phải nộp lên quan, nếu quá hạn mà ai còn giữ số lượng từ năm cân trở lên thì đều bị tội chết. Vua bảo các cận thần rằng: Các Khanh chớ nghi là ta hủy diệt Phật Pháp. Hễ Phật thì lấy Thiện đạo dạy người, muốn được chí Thiện tất phải thờ Phật, những tượng đồng kia mà gọi là Phật sao? Vả lại ta nghe rằng Phật cốt ở chỗ làm lợi ích cho người, dầu cả mắt cũng đem cho. Như Trầm đây đem thân này ra cứu dân thì cũng không tiếc. Năm đó phá bỏ các chùa đến ba ngàn ba trăm ba mươi sáu ngôi để phá tượng đem đúc tiền Chu Thông.

Vua đã giảm bớt các tự viện, lại ban sắc Trai tuổi từ mười lăm trở lên tụng thuộc lòng một trăm tờ Kinh hoặc đọc được năm trăm tờ và Nữ tuổi từ mười ba, tụng thuộc lòng bảy mươi tờ hoặc đọc được ba trăm tờ kinh, mới nhận đơn cho xuất gia, được quan bản Quận khảo thí nghe đọc, được Từ Bộ cấp Điệp thì mới được thế độ (xuất gia) (Văn này thường thấy ở Đường Cựu Sử. Còn Tân Sử của Âu Dương đều cắt

bỏ hết).

Năm Hiển Đức thứ ba, vua mời Ấn Sĩ Trần Bác ở Hoa Sơn để hỏi thuật Huỳnh Bạch bay lên trời. Đạo sĩ tâu: “Thiên tử lo việc trị an thiên hạ đâu cần làm việc này?” Vua bèn đuổi về núi và ban chiếu sai Châu Huyện luôn theo trông chừng.

Năm thứ tư, tháng bảy, ngài Thanh Lương Văn Ích Thiền sư ở Kim Lăng thị tịch. Giang Nam Đường Hậu Chủ kính ngài làm thầy. Khi ngài lâm chung, bèn thụy phong là Đại Pháp Nhân Học Giả hiệu là Pháp Nhân Tông (thấy ở La-hán Trần Sư, đời thứ chín của dòng Thanh Nguyên).

Ấn Sĩ Đàm Cảnh Thăng lên ở núi Chung nam cùng làm bạn với Trần Bác soạn bộ Hóa Thư một trăm thiên, nói bao quát khắp nguồn gốc tạo hóa, lâu lắm thành tiên mà đi. Ông từng dạo chơi núi Tam Mâu, đến Kiến Nghiệp yết kiến Tống Tề Khâu, bảo nơi ấy có tiên thoát đạo cốt, rồi viết sách chỉ vẽ, dặn dò làm lời tựa để truyền ở đời. Tề Khâu bèn lén để tên mình viết sách, nhưng chưa biết đạo ấy là gì (Tề Khâu làm Tướng triều vua thứ hai của Hậu Đường).

Bàn rằng: Ông Tăng Tháo làm tập Tiên Truyện nói: Trần Hy Di là bè bạn, Đàm Cảnh Thăng làm Hóa Thư, lại bảo rằng Tề Khâu đã lén để tên mình, người đời không biết được sự dối trá đó. Đây gần với việc Hương Tú chú thích về Trang Tử Quách Tượng đã lén để tên mình, hai việc này giống nhau không khác gì trộm cắp.

Năm Hiển Đức thứ sáu, khi xưa lúc vua phá tượng thì ở Trấn Châu có tượng Quan Âm rất linh ứng, lệnh vua ban xuống nhưng mọi người không dám đến gần. Vua nghe tâu bèn đích thân đến chùa cầm búa đập phá khoét lấy mặt mày và lồng ngực, người xem đều sợ run. Kịp khi vua bắc chinh thì nhọt độc nổi lên ở ngực, vội vả trở về đến Kinh Sư thì chết (theo Dương Văn Công Đàm Uyển).

Ở Biện Đô có Tướng Sĩ Chu Bá Thắng, tuổi già về ở nhà ăn rau dưa niệm Phật. Một tối mộng thấy Huỳnh Y Sứ bắt vào một thành lớn dẫn đến quan phủ. Vua bảo dẫn ông đến xem địa ngục, thì thấy một người mặt mày đen thui đang nằm trên giường sắt lớn. Ngục tốt lấy đục đục phá lồng ngực rồi chế nước đồng sôi vào, kêu la thất thanh không nghe được gì. Bá Thắng sợ quá niệm Phật thoát lui. Người bắt bảo: “Ông là đệ tử Phật không nên sợ”. Bá Thắng hỏi: “Người tù này là ai?” Đáp: “Đây chính là vua Sài Vinh, do phá hủy tượng Phật nên bị hình phạt này”. Bá Thắng nói: “Đây là vua cũ của tôi, khi nào được thoát?” Người bắt nói: “Mới xét án người này”. Ngay lúc đó vua (Diêm Vương)

trách rằng: “Khi nào ở thế gian số tiền Chu Thông tiêu hết thì người mới thoát tội khổ này”. Người bắt bèn theo đường cũ dắt ông ra khỏi thành, khi nghe tiếng chuông chùa thì ông chợt thức giấc. Bá Thắng thường kể chuyện này với mọi người, ai nghe cũng hãi hùng thương xót (Thần Ứng Lục).

Bàn rằng: Từ xưa Phật pháp bị hủy diệt có bốn lúc: Lần thứ nhất, là Ngụy Thái Võ do Tư Đồ Thôi Hạo đốt phá Kinh Tượng, chôn giết Sa-môn. Rồi thì Thôi Hạo bị chém ngang lưng. Thái Võ bị bệnh cùi hủi, sau bị Quan Thường Thị Tông Ái giết chết. Văn Thành nối ngôi lại phục hưng Phật pháp. Lần thứ hai, là Chu Võ Nhân dùng Vệ Nguyên Tung, phá hủy Kinh Tượng, chùa tháp, đuổi Tăng Ni hoàn tục. Sau đó Đỗ Kỳ xuống Minh Phủ thấy Chu Võ chịu khổ ở địa ngục xin cứu mạng. Tuyên Đế nối ngôi thì Phật pháp liền được hưng thịnh. Lần thứ ba, là Đường Võ Tông nhân dùng Triệu Quy Chân đã phá tượng, dẹp chùa đuổi Tăng Ni hoàn tục. Sau vua bị nhọt ở sau lưng mà chết. Lúc đó Mục Lăng Quý nói Thiên Phù cho rằng: Lý Viêm đã hủy diệt Phật pháp nên bị quả báo chết yếu bỏ ngôi, Quy Chân... đều bị tru lục. Khi Tuyên Tông lên ngôi lại phục hưng Phật giáo. Lần thứ tư, là Chu Thế Tông đã phá tượng để đúc tiền và dẹp bỏ Tự Viện, Thế Tông lại nổi nhọt ở lồng ngực mà chết. Có người thấy ông chịu khổ ở địa ngục và có lời phán là khi nào tiền Chu Thông tiêu hết thì mới thoát tội.

Năm năm sau, Thái Tổ Hoàng Đế cỡi Rồng lên trời, lại hạ chiếu trong thiên hạ nên xây lại chùa tạo tượng và sai Sa-môn cầu pháp ở Tây Thiên. Làm Quán cho Phạm Tăng để phiên dịch kinh Phật, kiến lập chùa chiền để cứu độ vong linh tử sĩ, khắc in Kinh sách để lưu truyền Đại Tạng lâu dài. Lúc bấy giờ nước nhà lăm việc nhưng việc hoằng hóa hành đạo đều rạn vỡ khắp nơi.

Vua Thái Tông nối ngôi độ các người trẻ xuất gia được mười bảy vạn, lập Viện, dịch kinh, vua viết tựa Thánh Giáo, ban tặng Ngạch các Già-lam vô danh trong thiên hạ. Lập Tháp Đại Bảo để thờ xá-lợi. Đến triều Chân Tông thì Thánh đức xa khắp, Ngũ Thiên Trúc đều dâng kinh Phật, Ân vua rạn vỡ, độ Tăng được hai mươi bốn vạn.

Khi Nhân Tông lên ngôi, nối tiếp khen kính Đại thừa, cẩn thận công phu lo việc phiên dịch, mở rộng cung cấm chứa cất Kinh Tạng.

PHÂN PHỤ CHÚ ở trang 389 (Hán Tạng)

[Chú số 2] - Vua ban chiếu mời Hiên Viên Tập ở núi La Phù vào triều kiến. Vua hỏi: “Tiên sinh được trường sinh là do Đạo nào mà

được?” Ông tâu: “Tránh thanh sắc, bỏ tư vị, một mực thương xót, rộng mở ân đức, thì có thể cùng với trời đất hợp thành một thể, cùng với Nhật Nguyệt sáng lâu dài. Đó là sự trường sinh không đợi phải riêng tìm”. Khá lâu sau, ông xin được trở về núi, vua nói: “Việc trị thiên hạ của Trẫm được bao lâu?” Tập viết hàng ngang bốn mươi chữ. Sau quả nhiên vua ở ngôi bốn mươi năm.

[Chú số 3] - Chung Ly Quyền tự là Vân Phòng, tự khoe đời Hán có gặp ông Vương Huyền mà được đạo Trường sinh. Lánh loạn, ông vào ở núi Chung nam và được Linh Bảo Kinh trên vách đá. Ông ngộ lý: Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm đó là cái nghi cách thăng giáng của đất trời. Trong khí có nước, trong nước có khí là lý tâm thận giao hợp nhau. Bền ngồi yên mà xét bên trong mới có thể biết ngoài thân có thân. Đời Đường, Lữ Nham tự là Đồng Tân, ba lần thi tiến sĩ đều không trúng tuyển. Ông gặp Vân Phòng ở quán rượu tại Trường an, bèn dắt Đồng Tân lên núi Chung Nam trao cho Linh bảo và mười hai Pháp Khoa bảo rằng: “Lời vàng, sách ngọc, chân nguyên, tử dụ, chân quyết, đạo yếu, nghĩa của nó có sáu thứ, là ý chỉ của Bao La Ngũ Tiên” rồi trao cho Đồng Tân và bảo: “Ta có ước hẹn ở Thiên đình, ông nên ở Động này.” Liền đó có Tiên nhân giáng hạ tuyên đọc Thiên chiếu: “Phước vàng, sách ngọc đón rước về trời.” Đồng Tân bèn làm khách dạo chơi khắp Giang Hoài, độ cho Hà Tiên Cô, Quách Thượng Táo Thi Kiên Ngô... (Lữ Đồng Tân du hành cõi nhân gian từ đời Đường đến đời Tống, không phải chỉ có một sự tích).